

NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỞI NGÀNH KINH TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN

Factors affecting students' intention to start a business, at Long An University of Economics and Industry

Lê Thanh Sang¹ và Đoàn Thanh Hòa²

^{1,2}Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Long An, Việt Nam
le.sang@daihoclongan.edu.vn

Tóm tắt — Khởi nghiệp đang là chủ đề được quan tâm hiện nay, đặc biệt là khởi nghiệp trong sinh viên. Nhằm tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho sinh viên trải nghiệm bản thân bằng cách tham gia các dự án khởi nghiệp dành cho sinh viên, định hướng xa hơn là tham gia các dự án khởi nghiệp cấp tỉnh. Nghiên cứu được tiến hành tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng nhằm làm cơ sở để đề xuất giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khi còn đang học tập tại Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, đặc biệt là sinh viên khởi ngành Kinh tế. Qua phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy cho thấy có 3 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên đó là: (1) Đặc điểm tính cách, (2) Nhận thức kiểm soát hành vi, và (3) Ý kiến của người xung quanh, với kết quả tác động đến biến phụ thuộc được ước lượng là 35,6%. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất các giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khởi ngành Kinh tế như: Giải pháp tạo động lực cho sinh viên tham gia khởi nghiệp thông qua sự tác động của người thân, bạn bè; Giải pháp tăng khả năng kiểm soát hành vi, chú trọng môi trường khởi nghiệp; Giải pháp phát huy năng lực cá nhân sinh viên thông qua các đặc điểm tính cách.

Abstract — Entrepreneurship is a topic of interest, especially entrepreneurship among students. In order to create a favorable environment and conditions for students to experience themselves by participating in start-up projects for students, further orientation is to participate in provincial and central start-up projects. Students was conducted to find out the influencing factors to serve as a basis to propose solutions to promote the entrepreneurial intention of students while studying at Long An University of Economics and Industry, especially students, member of the department of economics. Through exploratory factor analysis and regression analysis, it was found that there are 3 factors affecting students' entrepreneurial intention, which are: (1) Personality traits, (2) Perceived behavioral control, (3) Opinions of another persons, with the results affecting the dependent variable estimated at 35.6%. On that basis, we propose solutions to promote the entrepreneurial intention of students of the Economics, such as: Solutions to motivate students to start a business through the influence of relatives and friends; Solutions to increase the ability to control behavior, focusing on the start-up environment; Solutions to promote individual student capacity through personality traits.

Từ khóa — Ý định khởi nghiệp, giải pháp khởi nghiệp, start-up intentions, start-up solutions.

1. Đặt vấn đề

Lĩnh vực kinh tế là một trong những lĩnh vực nền tảng giúp cho các thế hệ sinh viên (SV) có đủ khả năng và bản lĩnh để khởi nghiệp khi còn ngồi trên ghế nhà trường cũng như sau khi ra trường. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thị trường lao động trở nên dư thừa, sinh viên nói chung và sinh viên kinh tế nói riêng sẽ có sự cạnh tranh mạnh mẽ và có phần khốc liệt khi tỷ lệ người lao động mất việc làm ngày càng tăng. Nhiều sinh viên đã và đang khởi nghiệp khi còn ngồi trên ghế nhà trường như: Bán quần áo, mỹ phẩm, nước hoa, phụ kiện, thức ăn vặt,... để kiếm thêm thu nhập trang trải chi phí cá nhân hoặc chi phí học tập. Vì vậy, Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp (ĐHKTCN) Long An cũng chú trọng đến việc phát triển kỹ năng cho sinh viên bên cạnh các kiến thức về chuyên môn được đào tạo trên giảng đường. Tuy nhiên, sinh viên vẫn còn e dè và chưa mạnh dạn để thành lập đội nhóm và xây dựng các dự án kinh doanh. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu về ý định khởi nghiệp đã được tiến hành nhưng mới chỉ nghiên cứu về tác động của tính cách cá nhân tới ý định khởi nghiệp tiếp cận theo lý thuyết dự định nhằm mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế tại trường ĐHKTCN Long An.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước như các yếu tố đưa vào mô hình, các mô hình lý thuyết, các công cụ phân tích được ứng dụng... từ các tạp chí chuyên ngành có liên quan và có nguồn gốc tin cậy.

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua bảng câu hỏi soạn sẵn, đối tượng phỏng vấn là sinh viên khối ngành kinh tế của Trường ĐHKTCN Long An. Số liệu sơ cấp được khảo sát từ tháng 08/2022 - 11/2022.

2.2. Phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu

Phương pháp chọn mẫu của nghiên cứu là phương pháp chọn mẫu phi xác suất, dựa vào danh sách sinh viên của khối ngành Kinh tế, tác giả tiến hành thu thập đến khi đủ số quan sát theo yêu cầu. Phương pháp xác định cỡ mẫu được áp dụng công thức sau:

$$n = \frac{N}{1 + N \cdot (\varepsilon)^2}$$

Trong đó: n : là cỡ mẫu
 N : là số lượng tổng thể
 ε : là sai số tiêu chuẩn.

Với quy mô sinh viên khối ngành Kinh tế là 560 sinh viên, ước lượng tỷ lệ với độ tin cậy là 95% (mức sai số là 5%), áp dụng công thức trên ta được $n = 233,3$. Như vậy, nghiên cứu cần thu thập 234 quan sát là đáp ứng yêu cầu.

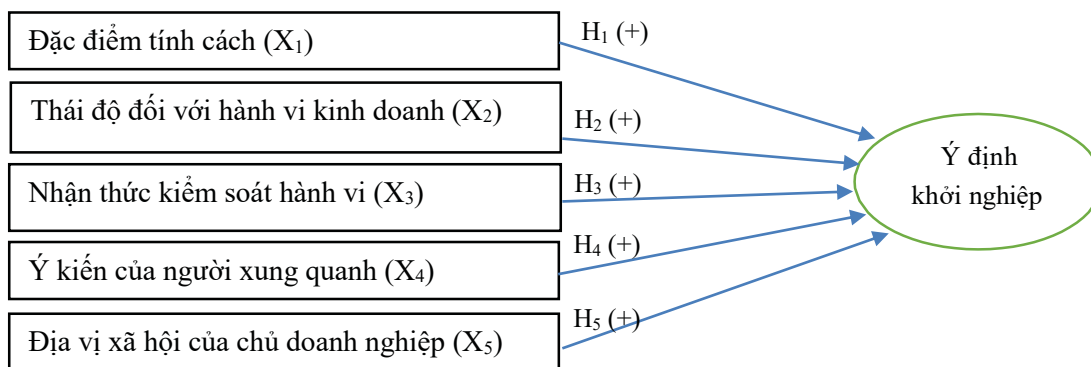
2.3. Phương pháp phân tích

Các phương pháp phân tích dữ liệu được áp dụng bao gồm: Phân tích hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy tuyến tính (OLS). Mô hình hồi quy có dạng như sau: $Y = \beta_1 X_{1i} + \beta_2 X_{2i} + \beta_3 X_{3i} + \dots + \beta_k X_{ki} + \varepsilon_i$

Trong đó Y : Ý định khởi nghiệp là biến phụ thuộc.

X_{ni} : Các yếu tố giải thích được ước lượng trong mô hình hồi quy bao gồm: Đặc điểm tính cách; Thái độ đối với hành vi kinh doanh; Nhận thức kiểm soát hành vi; Ý kiến của người xung quanh; Địa vị xã hội của chủ doanh nghiệp.

ε_i : Sai số trong ước lượng.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Các biến độc lập được xác định như sau:

H1: Đặc điểm tính cách có tác động thuận chiều đến ý định khởi nghiệp của SV.

H2: Thái độ đối với hành vi kinh doanh có tác động thuận chiều đến ý định khởi nghiệp của SV.

H3: Nhận thức kiểm soát hành vi có tác động thuận chiều đến ý định khởi nghiệp của SV.

H4: Ý kiến người xung quanh có tác động thuận chiều đến ý định khởi nghiệp của SV.

H5: Địa vị xã hội của chủ doanh nghiệp tác động thuận chiều đến ý định khởi nghiệp của SV.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả Cronbach's Alpha

Bảng 1. Kết quả Cronbach's Alpha của các biến độc lập và biến phụ thuộc

Biến quan sát	Biến (hệ số Cronbach's Alpha)	Hệ số Cronbach's Alpha tổng
Đặc điểm tính cách (ĐĐTTC)	ĐĐTTC1 (0,873), ĐĐTTC2 (0,870), ĐĐTTC3 (0,861), ĐĐTTC4 (0,869), ĐĐTTC5 (0,876)	0,893
Hành vi kinh doanh (HVKD)	HVKD1 (0,881), HVKD2 (0,867), HVKD3 (0,899), HVKD4 (0,912)	0,916
Kiểm soát hành vi (KSHV)	KSHV4 (0,902), KSHV5 (0,891), KSHV6 (0,885), KSHV7 (0,899), KSHV8 (0,915)	0,917
Ý kiến người xung quanh (YK)	YK1 (0,719), YK2 (0,561), YK3 (0,744)	0,761
Địa vị xã hội (ĐVXH)	ĐVXH1 (0,876), ĐVXH2 (0,862), ĐVXH3 (0,909)	0,919
Ý định khởi nghiệp (YĐKN)	YĐKN1 (0,836), YĐKN2 (0,834), YĐKN3 (0,849), YĐKN4 (0,846), YĐKN5 (0,857)	0,872

Qua kết quả phân tích Cronbach's Alpha ở bảng 1 cho thấy các biến độc lập được đưa vào mô hình có hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,7; tuy nhiên có 3 biến bị loại khỏi mô hình phân tích nhân tố khám phá đó là KSHV1, KSHV2, KSHV3 vì hệ Cronbach's Alpha nếu loại bỏ biến của các biến này cao hơn biến tổng. Bên cạnh đó biến phụ thuộc có hệ số Cronbach's Alpha = 0,872 được xem là khá cao và phù hợp để đưa vào phân tích nhân tố.

3.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Trước khi tiến hành phân tích nhân tố, tác giả kiểm định KMO và Bartlett của các biến độc lập và biến phụ thuộc. Đối với biến độc lập, hệ số KMO = 0,862 ta kết luận phân tích nhân tố là phù hợp. Hệ số Bartlett = 0,000 (sig. < 0,05) chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể. Đối với biến phụ thuộc, hệ số KMO = 0,848 nên ta cũng kết luận phân tích nhân tố là phù hợp. Sau đây, tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá đối với biến độc lập và biến phụ thuộc.

Bảng 2. Bảng ma trận xoay nhân tố của các biến độc lập và biến phụ thuộc

Biến độc lập	Các yếu tố trong ma trận xoay
Đặc điểm tính cách (ĐĐTTC)	ĐĐTTC1 (0,795), ĐĐTTC2 (0,825), ĐĐTTC3 (0,844), ĐĐTTC4 (0,837), ĐĐTTC5 (0,804)
Thái độ đối với hành vi kinh doanh (HVKD)	HVKD1 (0,871), HVKD2 (0,867), HVKD3 (0,792), HVKD4 (0,769)
Kiểm soát hành vi (KSHV)	KSHV4 (0,834), KSHV5 (0,872), KSHV6 (0,888), KSHV7 (0,827), KSHV8 (0,776)
Ý kiến của người xung quanh (YK)	YK1 (0,762), YK2 (0,844), YK3 (0,752)
Địa vị xã hội (ĐVXH)	ĐVXH1 (0,811), ĐVXH2 (0,861), ĐVXH3 (0,838)
Biến phụ thuộc	
Ý định khởi nghiệp	YĐKN1 (0,839), YĐKN2 (0,846), YĐKN3 (0,798), YĐKN4 (0,809), YĐKN5 (0,771).

Biến “Đặc điểm tính cách” ký hiệu là X1 bao gồm các biến ĐĐTTC1, ĐĐTTC2, ĐĐTTC3, ĐĐTTC4, ĐĐTTC5; Biến “Hành vi kinh doanh” ký hiệu là X2 bao gồm các biến HVKD1, HVKD2, HVKD3, HVKD4; Biến “Môi trường khởi nghiệp” ký hiệu là X3 bao gồm các biến KSHV4, KSHV5, KSHV6, KSHV7, KSHV8; Biến “Ý kiến của người xung quanh” ký hiệu là X4 bao gồm các biến YK1, YK2, YK3; Biến “Địa vị xã hội” ký hiệu là X5 bao gồm các biến ĐVXH1, ĐVXH2, ĐVXH3. Khi phân tích nhân tố đối với biến phụ thuộc, ta thấy không có hiện tượng tách nhóm, hệ số KMO = 0,829; Giá trị Cumulative = 66,127% được xem là phù hợp

khi đưa vào phân tích hồi quy ở bước tiếp theo. Nhân tố “Ý định khởi nghiệp của sinh viên” ký hiệu là Y, trong đó có các biến YĐKN1, YĐKN2, YĐKN3, YĐKN4, YĐKN5.

3.3. Kết quả kiểm định tương quan

Bảng 3. Kiểm định tương quan giữa các biến độc lập với biến ý định khởi nghiệp của sinh viên

Biến	Y	X ₁	X ₂	X ₃	X ₄	X ₅	
Y	Pearson Correlation	1	0,313**	0,082	0,346**	0,358**	0,059
	Sig0, (2-tailed)		0,000	0,202	0,000	0,000	0,362
	N	234	234	234	234	234	234
X ₁	Pearson Correlation	0,313**	1	0,000	0,000	0,000	0,000
	Sig0, (2-tailed)	0,000		1,000	1,000	1,000	1,000
	N	234	234	234	234	234	234
X ₂	Pearson Correlation	0,082	0,000	1	0,000	0,000	0,000
	Sig0, (2-tailed)	0,202	1,000		1,000	1,000	1,000
	N	234	234	234	234	234	234
X ₃	Pearson Correlation	0,346**	0,000	0,000	1	0,000	0,000
	Sig0, (2-tailed)	0,000	1,000	1,000		1,000	1,000
	N	234	234	234	234	234	234
X ₄	Pearson Correlation	0,358**	0,000	0,000	0,000	1	0,000
	Sig0, (2-tailed)	0,000	1,000	1,000	1,000		1,000
	N	234	234	234	234	234	234
X ₅	Pearson Correlation	0,059	0,000	0,000	0,000	0,000	1
	Sig0, (2-tailed)	0,362	1,000	1,000	1,000	1,000	
	N	234	234	234	234	234	234

Kết quả phân tích hệ số tương quan Pearson ở bảng 3, ta thấy, các biến đều có giá trị Sig. nhỏ hơn 0,05 ngoại trừ biến X₂ và biến X₅. Vì vậy, biến X₂ và biến X₅ bị loại khỏi mô hình hồi quy.

3.4. Kết quả phân tích hồi quy

Bảng 4. Kết quả hồi quy

Biến độc lập	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số Beta chuẩn hóa	Giá trị trị t	Giá trị sig	Kiểm định VIF
	Hệ số β	Std. Error				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Hằng số (Constant)	2,064	0,52		0,000	1,000	
Đặc điểm tính cách (X ₁)	0,313	0,52	0,313	5,989	0,000	1,000
Môi trường khởi nghiệp (X ₃)	0,346	0,52	0,346	6,618	0,000	1,000
Ý kiến của người xung quanh (X ₄)	0,358	0,52	0,358	6,849	0,000	1,000
Số quan sát				234		
R ² (R-squared)				0,345		
R ² hiệu chỉnh (Adjusted R-squared)				0,337		

Từ kết quả phân tích hồi quy ở bảng hồi quy, ta có mô hình hồi quy chuẩn hóa như sau:

$$Y_1 = 0,313X_1 + 0,346X_3 + 0,358X_4$$

Các biến độc lập có giá trị Sig nhỏ hơn mức ý nghĩa 5% cho thấy các biến độc lập đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc. Hệ số kiểm định VIF đều nhỏ hơn 2, do vậy không có

hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Giá trị R^2 hiệu chỉnh = 0,337, nghĩa là trong 100% sự biến động của biến phụ thuộc thì có 33,7% sự biến động là do các biến độc lập ảnh hưởng, còn lại là do sai số ngẫu nhiên hoặc các yếu tố khác chưa đưa vào mô hình có tác động.

3.5. Phân tích kết quả nghiên cứu

Kết quả hồi quy ở bảng hồi quy cho thấy, 3 yếu tố đưa vào mô hình đều có tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế. Từng yếu tố được xem xét trong điều kiện những yếu tố khác không đổi, mức độ tác động của các yếu tố được đánh giá từ cao xuống thấp như sau: (1) Yếu tố “Ý kiến của người xung quanh” là yếu tố có mức độ tác động mạnh mẽ nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên cao nhất ($\beta = 0,358$). Có thể thấy sinh viên sẽ có nhiều động lực khởi nghiệp hơn khi được bạn bè, gia đình và những người quan tâm ủng hộ quyết định khởi nghiệp. Điều này phù hợp với nghiên cứu của các tác giả trước. (2) Yếu tố thứ hai tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên là yếu tố “Môi trường khởi nghiệp” ($\beta = 0,346$). Một môi trường đào tạo tích cực, một môi trường khởi nghiệp phù hợp và hấp dẫn sẽ giúp sinh viên dễ dàng thúc đẩy được ý định khởi nghiệp của bản thân. Bên cạnh đó, khi nhà trường có sự quan tâm và tạo môi trường cho các em khởi nghiệp cũng sẽ là động lực thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của các em. (3) Yếu tố “Đặc điểm tính cách” có hệ số $\beta = 0,313$ là yếu tố cuối cùng tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Khi sinh viên khao khát có một địa vị cao trong xã hội, muốn được mọi người tôn trọng và biết đến hay thích trải nghiệm những cái mới, sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong kinh doanh thì ý định khởi nghiệp của sinh viên sẽ càng tăng. Các yếu tố khác không có tác động đến mô hình là hành vi kinh doanh và địa vị xã hội, nguyên nhân là do bản thân các em sinh viên nghĩ rằng việc khởi nghiệp là do xuất phát từ đam mê, từ việc muốn khám phá bản thân chứ không phải vì địa vị xã hội hay trở thành một doanh nhân sẽ được nhiều người ngưỡng mộ.

4. Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An

Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua sự tác động tích cực của người thân, bạn bè và những người quan trọng. Gia đình và bạn bè nên có nhiều lời khuyên tích cực và đóng góp ý kiến cho các ý định khởi nghiệp của các em, ủng hộ về tài chính hoặc tinh thần giúp cho các em sinh viên có thêm động lực khởi nghiệp. Những thầy/cô, những người dẫn dắt các em trong học tập, trong các dự án khởi nghiệp tích cực hỗ trợ các em trong việc tìm ra ý tưởng và nhận diện được các giải pháp vừa khoa học vừa thực tiễn để giúp cho dự án khởi nghiệp của các em đạt chất lượng tốt, thúc đẩy các em khởi nghiệp.

Giải pháp chú trọng môi trường giáo dục và khởi nghiệp để thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên. Tổ chức nhiều hội thảo cho sinh viên nâng cao kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và đặc biệt là kỹ năng phản biện trước công chúng để các em tự tin hơn trong việc trình bày và bảo vệ dự án khởi nghiệp của mình. Từ đó, các em sẽ khám phá và vượt qua được giới hạn của bản thân để tham gia khởi nghiệp.

Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp với mức giải thưởng hấp dẫn, nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tham dự để thử thách bản thân, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn; bên cạnh đó, cần có chính sách cho người hướng dẫn khởi nghiệp (cố vấn học tập, giảng viên chuyên môn) để khuyến khích thầy cô cùng tham gia và dẫn dắt các em trong các dự án khởi nghiệp. Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên qua việc phát huy năng lực cá nhân sinh viên dựa trên các đặc điểm tính cách.

Khơi dậy niềm đam mê và khát khao khám phá cái mới của giới trẻ, giúp sinh viên nhận thấy được lợi ích từ các cuộc thi khởi nghiệp qua việc tuyên truyền, vận động thông qua các kênh Đoàn thanh niên, hội sinh viên. Xem xét cộng điểm vào luận án tốt nghiệp và vinh danh, khen thưởng các em sinh viên có thành tích tốt trong lĩnh vực khởi nghiệp nếu sinh viên tham dự và đạt giải cao ở các cấp nhằm thể hiện sự trân trọng và ghi nhận công sức của các em trong

công cuộc khởi nghiệp, sáng tạo ở môi trường đại học. Qua đó, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên, chấp nhận đương đầu với những điều mới để gặt hái thành công.

5. Kết luận

Kết quả của nghiên cứu đã xác định được 3 yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế, Trường ĐHKTCN Long An, đó là: Ý kiến của người xung quanh, môi trường khởi nghiệp và đặc điểm tính cách. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên như sau: Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua sự tác động tích cực của người thân, bạn bè và những người quan trọng; Giải pháp chú trọng môi trường giáo dục và khởi nghiệp để thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên; Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên qua việc phát huy năng lực cá nhân sinh viên dựa trên các đặc điểm tính cách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Huỳnh Tuấn Duy & cộng sự (2011). Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tính cách cá nhân lên tiềm năng khởi nghiệp của sinh viên. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 14, (Q3).
- [2] Nguyễn Hải Quang & Cao Nguyễn Trung Cường (2017). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên Khoa Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Kinh tế - Luật. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Trà Vinh, 25, 10-19.
- [3] Phan Anh Tú & Trần Quốc Huy (2017). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên trường đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, 48, 96-103.
- [4] Vũ Thanh Tùng & Đinh Cao Tín (2018). Các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học: Nghiên cứu một số trường hợp điển hình trên địa bàn TPHCM. Hội thảo Khoa học quốc tế. *Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật*, Số đặc biệt, 82-94.
- [5] Ajzen, I. (1991). *The theory of planned behavior*. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50 (2), 179-211.
- [6] Hisrich, R. D. & Peters, M. P. (2002). *Entrepreneurship - 5th edition*. New York: McGraw-Hill.
- [7] Karali, S. (2013). *The Impact of entrepreneurship education programs on entrepreneurial intentions: An application of the theory of planned behavior*. Master Thesis, Erasmus University of Rotterdam.
- [8] Lee, S.M. et al. (2006). Influences on students attitudes toward entrepreneurship: A multi- country study. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 2(3), 351-366.
- [9] Linan, F. & Chen, Y. W. (2006). *Testing the entrepreneurial intention model on a two- country sample*. A Working Paper in the Documents de treball.
- [10] Slovin, E. (1960). *Slovin's formula for sampling technique*. Retrieved on February 13, 2013

Ngày nhận bài: 23/3/2023

Ngày phản biện: 12/5/2023

Ngày duyệt đăng: 03/6/2023